

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 882/2018/LĐ-PT

Ngày: 02/10/2018

Về việc: “*Tranh chấp tiền
lương và đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Bà Lê Thị Thúy Hoa

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Giang.

Ông Hồ Minh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Dự - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 17 tháng 9 và ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLPT-LĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp tiền lương và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 445/2018/LĐ-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4079/2018/QĐ-PT ngày 11/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L T T L.

Địa chỉ: Số 15/3 (Số mới 330/14/3) đường T T T, Phường 1, Quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên VH.

Trụ sở chính: Số 18 N T T, phường T, quận B Đ, Thành phố N.

Chi nhánh: Số 290/20 N K K N, Phường 8, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn A. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương C. (Có mặt)

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 15/8/2018)

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên VH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2016 và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – bà L T T L trình bày:

Bà là nhân viên thủ kho, hành chính tổng hợp tại Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên VH, thuộc Công ty TNHH Một thành viên VH từ tháng 4 năm 1983. Cụ thể:

Tháng 4 năm 1983 đến 15/3/2011: hợp đồng lao động này vì đã quá lâu nên hiện nay bà không lưu giữ.

Hợp đồng số 16/HĐLĐ – XB VH từ ngày 16/3/2011 : Loại hợp đồng không xác định thời hạn.

Từ năm 2009 đến nay, chi nhánh công ty nợ tiền bảo hiểm nên bà không được cấp thẻ bảo hiểm y tế để đi khám chữa bệnh mà bà phải tự bỏ tiền túi để chi trả và cũng không được công ty chi trả lại.

Tháng 4 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014 (20 tháng) chi nhánh công ty không trả lương cho bà vì lý do Công ty chưa bổ nhiệm Trưởng chi nhánh.

Tháng 12 năm 2015, Trưởng chi nhánh được bổ nhiệm nhưng bà chỉ được lãnh 02 tháng tiền lương của tháng 12 năm 2015 và tháng 01 năm 2016.

Từ tháng 2 năm 2016 đến khi nghỉ việc (30/4/2016) bà chỉ nhận được mỗi tháng $\frac{1}{2}$ tiền lương và nhận trễ (giữa tháng sau mới được lãnh của tháng trước).

Vì hoàn cảnh khó khăn và sức khỏe không đảm bảo nên ngày 06/11/2015 và ngày 02/12/2015 bà gửi đơn xin thôi việc lần 1, lần 2 cho công ty nhưng công ty không đồng ý cho bà nghỉ vì lý do nhu cầu công việc và thực tế nhân sự.

Ngày 30/4/2016 bà đã nghỉ việc và tuân thủ việc báo trước 45 ngày (thực tế báo trước 150 ngày kể từ ngày 02/12/2015) theo Khoản 3 Điều 37 Bộ luật Lao động 2012.

Tuy nhiên đến nay công ty vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản nợ lương đã nêu trên và chi trả trợ cấp thôi việc cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu Công ty phải chi trả cho bà tổng số tiền là: 172.678.275 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi lăm đồng), gồm những khoản:

1. Trợ cấp thôi việc từ tháng 4 năm 1983 đến 31/12/2014 : 70.840.000 đồng

2. Tiền lãi trợ cấp thôi việc từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016: 4.250.400 đồng.

3. Tiền nợ lương từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014: 77.000.000 đồng.

4. Tiền lãi phát sinh do nợ tiền lương từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 12 năm 2016: 12.618.375 đồng.

5. Tiền bảo hiểm thất nghiệp mà bà được hưởng khi nghỉ việc nhưng chi nhánh không chốt sổ bảo hiểm cho bà nên bà không được hưởng: 7.969.500 đồng.

6. Đóng đầy đủ tiền bảo hiểm cho cơ quan bảo hiểm để chốt sổ cho bà đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 06/4/2017, và tại các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn – Công ty TNHH MTV VH có ông Trương C là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông xác định bà L T T L làm việc cho Công ty VH từ tháng 4 năm 1983. Đến tháng 3 năm 2011 Công ty VH chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV VH và ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với bà L số 16/HĐLĐ-XBVH ngày 16/3/2011 với công việc là nhân viên hành chính, thủ kho tại Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên VH, hệ số lương 3,85 (theo bảng lương viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành ở các Công ty Nhà nước).

Về việc bà L T T L yêu cầu thanh toán nợ lương năm 2013 và 2014:

- Sau khi Công ty VH chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên VH, năm 2011 đã có Quyết định thành lập Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên VH, trong đó quy định Chi nhánh tại Thành phố H là đơn vị “Hạch toán nội bộ”

- Theo quy định hạch toán nội bộ, Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên VH tại Thành phố H đều phải tự cân đối thu - chi (tự giải quyết chi lương từ các nguồn thu của Chi nhánh hàng năm). Căn cứ các nguồn thu để tự trang trải các khoản chi, bao gồm chi lương. Nếu không làm ra - thì không thể có nguồn thu để chi đủ lương.

- Từ các nguồn thu trong năm 2013, 2014 kế toán và thủ quỹ (bà L T T L) đã có chi lương cho 2 người. Với tư cách thủ quỹ, bà L T T L đã cùng kế toán chi lương sai đối tượng. Khoản chi sai này đúng ra chỉ dành để đóng BHXH, BHYT và ưu tiên chi lương 2013, 2014 cho nhân viên đang làm việc.

- Từ tháng 12 năm 2014 cho đến tháng 4 năm 2016 (thời điểm bà L T T L tự ý thôi làm việc): đơn vị đã có Trưởng Chi nhánh mới, các khoản lương, BHXH, BHYT, BHTN của bà L T T L trong thời gian này đã được thanh toán đầy đủ và đúng theo thời gian làm việc (căn cứ đơn - đề xuất chế độ làm việc của bà L T T L). Trong Biên bản ngày 28 tháng 4 năm 2015 bà L đã ký xác nhận đơn vị không nợ lương và BHXH, BHYT.

- Do đó, việc bà L T T L cho rằng Công ty TNHH Một thành viên VH nợ lương năm 2013 và 2014 và yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên VH trả nợ (đồng thời tính lãi suất nợ lương) là không có cơ sở và không đúng thực tế thu - chi do kế toán và bà L chịu trách nhiệm, đã thực hiện từ các nguồn thu của đơn vị trong 2 năm 2013 và 2014.

Về việc bà L T T L yêu cầu lãnh đạo Công ty TNHH Một thành viên VH ban hành quyết định cho thôi việc, giải quyết trợ cấp thôi việc:

- Sau khi Công ty VH chuyển đổi và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên, năm 2011 đã có Quyết định thành lập Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên VH tại Thành phố H (thay cho Chi nhánh Công ty VH trước đây là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp nhà nước). Ngày 16 tháng 3 năm 2011, Công ty TNHH Một thành viên VH đã ký Hợp đồng lao động với bà L T T L. Bà L đã căn cứ Hợp đồng lao động không thời hạn (HĐ số 16/HĐLĐ-XBVH) ký từ năm 2011 để gửi đơn xin thôi việc và yêu cầu giải quyết trợ cấp thôi việc từ 1983 đến nay.

1. Từ tháng 10 năm 2015, theo nguyện vọng và đề xuất của bà L T T L, Trưởng Chi nhánh đã thừa lệnh Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên VH ký Giấy giới thiệu cho bà L liên hệ tiến hành thủ tục ra Hội đồng giám định y khoa để giám định sức khỏe và xin giải quyết thủ tục nghỉ hưu trước tuổi vì lý do sức khỏe không đảm bảo. Tuy nhiên, sau đó bà L không tiến hành việc giám định sức khỏe mà làm đơn xin thôi việc với lý do hoàn cảnh gia đình.

- Công ty TNHH Một thành viên VH cho rằng đây là sự toan tính và biểu hiện của sự trục lợi chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước.

- Mặt khác, từ trước đến nay trong Công ty TNHH Một thành viên VH chưa có trường hợp nào gần đến tuổi nghỉ hưu được giải quyết thôi việc và giải quyết trợ cấp theo phương thức này; không thể tạo tiền lệ và sẽ thêm khó khăn cho doanh nghiệp xử lý các trường hợp tương tự về sau.

2. Công ty TNHH Một thành viên VH đã nhiều lần trao đổi, tổ chức họp để cùng bà L xác định rõ những vấn đề liên quan; bàn bạc, giải quyết những tồn đọng - vướng mắc trong công vụ theo nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý hồ sơ tài chính (thuộc về trách nhiệm của thủ quỹ) trước khi bàn giao và nghỉ việc.

Quan điểm của lãnh đạo Công ty TNHH Một thành viên VH, bà L T T L phải cùng đơn vị giải quyết những tồn đọng - vướng mắc theo trách nhiệm của thủ quỹ, đặc biệt là trách nhiệm về quản lý và bàn giao hồ sơ - chứng từ các năm từ 2008 - 2013. Những vấn đề này rất quan trọng đối với một doanh nghiệp nhà nước cũng như theo chức trách của nhân viên trong hệ thống tài vụ của đơn vị trên các mặt sau đây:

- Thủ quỹ phải có nhận thức đúng về trách nhiệm và tầm quan trọng của chứng từ lưu trữ hồ sơ thủ quỹ, trách nhiệm về việc làm mất hoặc không lưu giữ chứng từ tương ứng với sổ quỹ khi thực hiện xuất tiền từ quỹ của đơn vị;

- Bà L T T L phải giải trình và kiểm điểm việc vi phạm nguyên tắc quản lý hồ sơ tài chính của thủ quỹ: đưa hồ sơ - chứng từ về nhà riêng từ 28 tháng 4 năm 2015 - 24 tháng 8 năm 2015 (4 tháng);

- Cần tường trình và nhận thức trách nhiệm: trong 4 tháng thủ quỹ đã tái tạo chứng từ hoặc phối hợp với ai và làm cách nào để tái tạo sổ chứng từ đó.

Cụ thể là: Căn cứ Biên bản bàn giao lần 2 ngày 25 tháng 8 năm 2016 (bà L đã ký), trong biên bản liệt kê có nhiều chứng từ thất lạc hoặc không lưu giữ đã được tái tạo; bao gồm (phần liệt kê có trong trang 2 & trang 3 Biên bản bàn giao ngày 25 tháng 8 năm 2016 kèm theo):

- + Photo lại 265 chứng từ thu, 247 chứng từ chi các năm từ 2008 - 2013. (Các chứng từ đã được photocopy lại nên không có chữ ký trực tiếp của Chủ tài khoản, kế toán, thủ quỹ):

- + Tái tạo 125 chứng từ (từ 2008 - 2012): In mẫu mới để viết lại và ký lại chứng từ (dùng loại giấy mới, mẫu mới) do đó tập chứng từ lưu có nhiều loại khác nhau, nhiều chứng từ thiếu chữ ký trực tiếp.

Việc đối chiếu - giám định giữa Công ty và bà L là rất cần thiết để nhân viên thủ quỹ mới sau này có cơ sở khoanh vùng trách nhiệm về chứng từ khi tiếp nhận hồ sơ lưu trữ (hồ sơ tài chính của đơn vị cần lưu trữ ít nhất 20 năm). Việc này cũng rất quan trọng cho việc lập biên bản kèm theo để giải trình tính pháp lý của bộ lưu trữ hồ sơ kế toán, thủ quỹ.

3. Lãnh đạo Công ty TNHH Một thành viên VH đã nhiều lần chỉ đạo tổ chức cuộc họp, mời bà L T T L đến họp để cùng giải quyết những tồn đọng nêu trên, đồng thời cùng kế toán đối chiếu để xác nhận và làm rõ vấn đề chi lương từ nguồn thu của đơn vị trong năm 2013, 2014.

Sau khi hoàn thành yêu cầu này, đơn vị sẽ xem xét - giải quyết những vấn đề liên quan việc xin thôi việc, nhưng bà L T T L đã không đến làm việc, không có thiện chí hợp tác (Giấy mời lần 1 ngày 17/02/2017, lần 2 ngày 22/02/2017; lần 3 ngày 28 tháng 3 năm 2017).

4. Ngày 07 tháng 3 năm 2017, Công ty TNHH Một thành viên VH số 51/XBVH gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tạm dừng vụ án “Tranh chấp tiền lương và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Ngày 28 tháng 3 năm 2017 Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên VH đã vào Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp để tập trung giải quyết dứt điểm những tồn đọng nêu trên theo tinh thần văn bản số 37/XBVH ngày 16 tháng 2 năm 2017 (đã gửi Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Quận 3) và văn bản số 51/XBVH ngày 07 tháng 3 năm 2017 (đã gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3).

Đơn vị đã gửi giấy mời trước 01 tuần, bà L có phản hồi đã nhận giấy mời nhưng vẫn không đến dự họp (Biên bản làm việc ngày 28/3/2017 kèm theo).

Về các yêu cầu khởi kiện của bà L bị đơn có ý kiến như sau:

1. Về yêu cầu trả trợ cấp thôi việc: bà L còn chưa hoàn tất phối hợp thực hiện yêu cầu của Công ty để giải quyết những tồn đọng nêu trên nên Công ty chưa thể giải quyết cho bà L nghỉ việc nên không đồng ý yêu cầu này.

2. Về yêu cầu trả nợ lương từ tháng 4/2013 đến tháng 11/2014: Khoảng thời gian này Công ty đã trả lương cho bà L nhưng chứng từ chi lương bà L và

kế toán đã tự lập chứng từ chi lương này cho thời gian năm 2012. Công ty không chấp nhận việc nợ lương năm 2013 và 2014.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – bà L T T L bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ lương từ năm 2013 đến năm 2014 do tiền lương cơ bản của năm 2013 tăng lên là 1.150.000 đồng nên bà yêu cầu công ty trả tiền nợ lương từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014 là 88.550.000 đồng. Các yêu cầu khác bà vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn – Công ty TNHH MTV VH có ông Trương C đại diện theo ủy quyền không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông cho rằng việc nợ lương là do kế toán và thủ quỹ sử dụng nguồn thu của năm 2013 và năm 2014 chi lương cho các năm trước đó mà không được sự đồng ý của người có thẩm quyền. Việc công ty không cho bà L nghỉ việc là do công ty phát hiện bà L có sai phạm trong việc quản lý chứng từ kế toán nên yêu cầu bà L phải có biện pháp khắc phục và chịu trách nhiệm sau đó công ty sẽ giải quyết cho bà L nghỉ việc. Ngoài ra bà L còn viết một số phiếu chi lương cho bà Nguyễn Thị Minh Tân nhưng chưa chi cho bà Tân, đề nghị bà L trả lại số tiền này cho Công ty.

Tại bản án sơ thẩm số 445/2018/LĐ-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng lao động giữa bà L T T L với Công ty TNHH Công ty VH chấm dứt từ ngày 30/4/2016.

Công ty TNHH MTV Công ty VH phải trả cho bà L T T L các khoản như sau:

Tiền nợ lương từ tháng 4/2013 đến tháng 11/2014 số tiền: 87.395.000 đồng;

Tiền trợ cấp thôi việc: 68.626.250 đồng;

Tiền trợ cấp thất nghiệp: 7.969.500 đồng;

Tổng cộng Công ty TNHH MTV VH phải trả cho bà L là 163.990.750 (một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm chín mươi nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Công ty TNHH MTV VH phải trả lại Sổ bảo hiểm xã hội cho bà L T T L.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà L T T L về việc buộc bị đơn trả tiền lãi đối với các khoản nợ lương, trợ cấp thất nghiệp và yêu cầu chốt sổ bảo hiểm đến khi xét xử xong vụ án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo với các đương sự.

Ngày 16/5/2018, bị đơn Công ty TNHH MTV VH có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Bà L T T L trình bày: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên VH có Ông Trương C đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty TNHH Một thành viên VH không đồng ý các yêu cầu của Bà L, yêu cầu Bà L hợp thức hóa các hóa đơn thu chi cùng công ty theo hàng năm, công ty sẽ tính toán các khoản trợ cấp thôi việc và nợ lương cho Bà L sau khi Bà hoàn tất việc hợp thức hóa các hóa đơn.

Sau khi được Hội đồng xét xử phân tích và hòa giải cho các bên trên cơ sở pháp luật: Nguyên đơn bà L T T L và bị đơn Công ty TNHH Một thành viên VH có ông Trương C là đại diện theo ủy quyền thống nhất thỏa thuận:

Chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời hạn giữa bà L T T L và Công ty TNHH Một thành viên VH.

Công ty TNHH Một thành viên VH tự nguyện hỗ trợ cho bà L T T L số tiền: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Hai bên đã giao nhận xong tại phiên tòa.

Công ty TNHH Một thành viên VH giao trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L T T L tại phiên tòa. Hai bên đã giao nhận xong. Bà L T T L cam kết không còn thắc mắc, khiếu nại gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên VH hợp lệ vì nộp trong thời hạn pháp luật qui định. Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến tại phiên tòa, sau khi hòa giải, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của bị đơn Công ty TNHH Một thành viên VH làm trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời hạn giữa bà L T T L và Công ty TNHH Một thành viên VH.

Công ty TNHH Một thành viên VH tự nguyện hỗ trợ cho bà L T T L số

tiền: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Hai bên đã giao nhận xong tại phiên tòa.

Công ty TNHH Một thành viên VH giao trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L T T L tại phiên tòa. Hai bên đã giao nhận xong. Bà L T T L cam kết không còn thắc mắc, khiếu nại gì.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận trên không trái quy định pháp luật, nghĩ nên sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận giữa hai bên.

[6] Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Án phí lao động phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên VH phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm:

Chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời hạn giữa bà L T T L và Công ty TNHH Một thành viên VH.

Công ty TNHH Một thành viên VH tự nguyện hỗ trợ cho bà L T T L số tiền: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Hai bên đã giao nhận xong tại phiên tòa.

Công ty TNHH Một thành viên VH giao trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L T T L tại phiên tòa. Hai bên đã giao nhận xong. Bà L T T L cam kết không còn thắc mắc, khiếu nại gì.

3. Án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên VH phải chịu là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH Một thành viên VH phải chịu là: 300.000 (Ba trăm) đồng và được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0020717 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Viện KSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hoa